

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2017

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/11/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Thanh N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm 9, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm 9, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lâm Thị Thanh N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Ngọc T tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 17/5/2011, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên có những lời nói xúc phạm nhau, anh T hai lần đánh chị,

anh T có nhắn tin liên lạc với người phụ nữ khác quá mức bạn bè. Kể từ tháng 6/2017 cho đến nay, chị và anh T không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù anh chị có nói chuyện với nhau nhưng không thể bỏ qua mâu thuẫn để đoàn tụ chung sống. Tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 08/02/2015, hiện con đang sống với gia đình anh T. Chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Chị có đủ điều kiện và khả năng nuôi con, cụ thể: Chị làm nghề thợ may; thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, được nghỉ chủ nhật, chị đang ở nhà của cha mẹ tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, hiện nay nhà chỉ có chị và cha mẹ chị sinh sống; anh T không trực tiếp chăm sóc con mà giao toàn bộ cho ông bà nội chăm sóc.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 24/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Anh đồng ý với nội dung trình bày của chị Lâm Thị Thanh N về quá trình kết hôn, con chung của vợ chồng và thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, chị N quá ghen nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; anh có lần dùng tay tát vào mặt chị N chứ không đánh đập như chị N trình bày. Kể từ tháng 6/2017 cho đến nay, anh và chị N không còn chung sống, không còn liên lạc, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể hòa giải và không còn khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 08/02/2015 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Anh có đủ điều kiện và khả năng nuôi con, cụ thể: Anh làm nghề buôn bán tạp hóa ở tỉnh Kon Tum, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc vào ban ngày, anh đang ở trọ, sinh sống tại tỉnh Kon Tum, có nhà ở cùng cha mẹ tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; trung bình khoảng 15 ngày hoặc 1 tháng anh về thăm cha mẹ; cháu M đang sinh sống với cha mẹ anh tại xã T, được chăm sóc tốt. Nếu được nuôi con, trước mắt anh gởi con cho ông bà nội, khi nào cháu vào lớp một thì sẽ đưa vào Kon Tum sống với anh.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lâm Thị Thanh N và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 17/5/2011 nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy chị N, anh T trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau. Chị N yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2] Chị N và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 08/02/2015, hiện đang sống với ông bà nội; chị N và anh T đều có điều kiện nuôi con và đều có yêu cầu được nuôi con. Xét cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi, mặt khác hiện tại anh T chưa có điều kiện chăm sóc con mà gởi cho ông bà nội, do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị Lâm Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng; anh T trình bày thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 12/2017 đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[3] Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thanh N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Chị Lâm Thị Thanh N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

3. Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 08/02/2015 cho chị Lâm Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) từ tháng 12/2017 đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

5. Chị Lâm Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0004965 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh